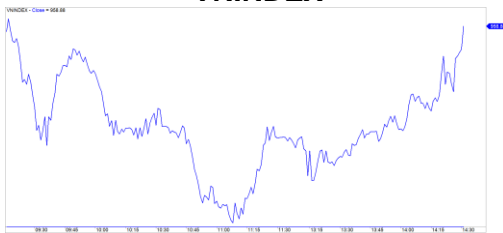


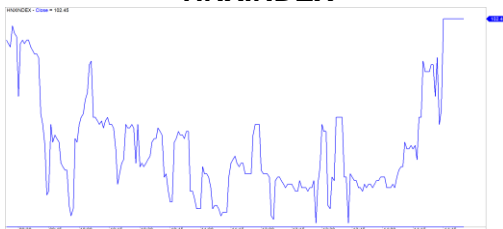
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	958.88	102.45	55.75
% ngày	-0.06%	0.10%	0.49%
% tuần	0.51%	-0.44%	0.76%
% tháng	-1.93%	-0.62%	-1.15%
% năm	5.54%	-0.86%	6.27%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,008	243	308
TB 1 tuần	4,782	364	229
TB 1 tháng	4,524	322	223
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	462.89	2.71	3.82
Bán	382.88	5.45	2.17
Giá trị ròng	80.01	-2.74	1.65
Độ rộng TT			
Mã Tăng	129	68	180
Mã Giảm	154	45	99
Không Đổi	107	258	624
Chỉ số chính			
P/E	15.67	9.09	17.12
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,281	192	941
LS Cổ tức	2.30%	4.28%	4.12%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index điều chỉnh trong phiên sáng áp sát ngưỡng 950 điểm nhưng hồi phục khá tích cực trong phiên chiều. Chỉ số đóng cửa tại 958.88 điểm vẫn còn giảm nhẹ 0.06%. Trong khi đó, chỉ số HNX-Index và Upcom-Index có được sắc xanh với mức tăng lần lượt 0.1% và 0.49%, đóng cửa lần lượt tại 102.45 điểm và 55.75 điểm. Dòng tiền sụt giảm so với phiên liền trước khi giá trị giao dịch khớp lệnh chỉ đạt mức khoảng 3,050 tỷ đồng.

MSN là điểm sáng phiên hôm nay khi bật tăng 5.6% đóng cửa tại 54,500 đồng/cp, ghi nhận phiên hồi phục mạnh đầu tiên của cổ phiếu này sau nhịp giảm mạnh vừa qua. Nhóm Ngân hàng chững lại và có sự hoán đổi vai trò khi HDB tăng 1.9% đóng cửa 26,800 đồng/cp và đồ thị giá vẫn đang được hỗ trợ bởi đáy cũ 04/12/2019. BID tăng nhẹ 0.3% trong khi VCB, TCB, MBB, VPB, ACB điều chỉnh nhẹ. Ở chiều ngược lại, BVH có phiên điều chỉnh mạnh 3.3% từ vùng kháng cự 74,000 đồng/cp nhưng khối lượng không nhiều chỉ với hơn 180 nghìn cp. Ngoài ra, PHR nổi dài chuỗi phiên giảm đóng cửa tại 40,000 đồng/cp. Nhóm cổ phiếu Small-Cap tiếp tục thu hút dòng tiền tiêu biểu HQC(+4.1%) tăng phiên thứ 3 liên tiếp và giá đã tăng 31% từ tháng 12.2019. DLG(+6.7%), SCR(+6.8%), TTB(+6.9%), DAH(+5.6%) cũng có mức tăng đáng chú ý.

Khối ngoại mua ròng phiên thứ 2 liên tiếp với giá trị 78.9 tỷ đồng. E1VFN30(60.7 tỷ), VNM(31.5 tỷ) là các mã được mua ròng tích cực nhất. Ở chiều ngược lại, PHR(18 tỷ), VIC(17.7 tỷ) là các mã bị bán ròng đáng kể nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục hồi phục trong phiên kế tiếp và chỉ số VN-Index vẫn có thể kiểm định lại vùng giá 960 – 965 điểm. Đồng thời, tâm lý nhà đầu tư đã lạc quan hơn trong phiên giao dịch 24/12/2019, nhưng thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy và dòng tiền sẽ tiếp tục phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu cũng có chiều hướng tăng cho thấy cơ hội giải ngân mới cũng dần hình thành, nhưng đà tăng này vẫn chưa rõ ràng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 967.13 điểm của chỉ số VN-Index và 103.69 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, trên quan điểm thận trọng, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn vẫn tiếp tục đứng ngoài thị trường. Đồng thời, nếu nhà đầu tư chấp nhận rủi ro thì có thể xem xét tăng dần tỷ trọng cổ phiếu hoặc mua mới với tỷ trọng khuyến nghị.

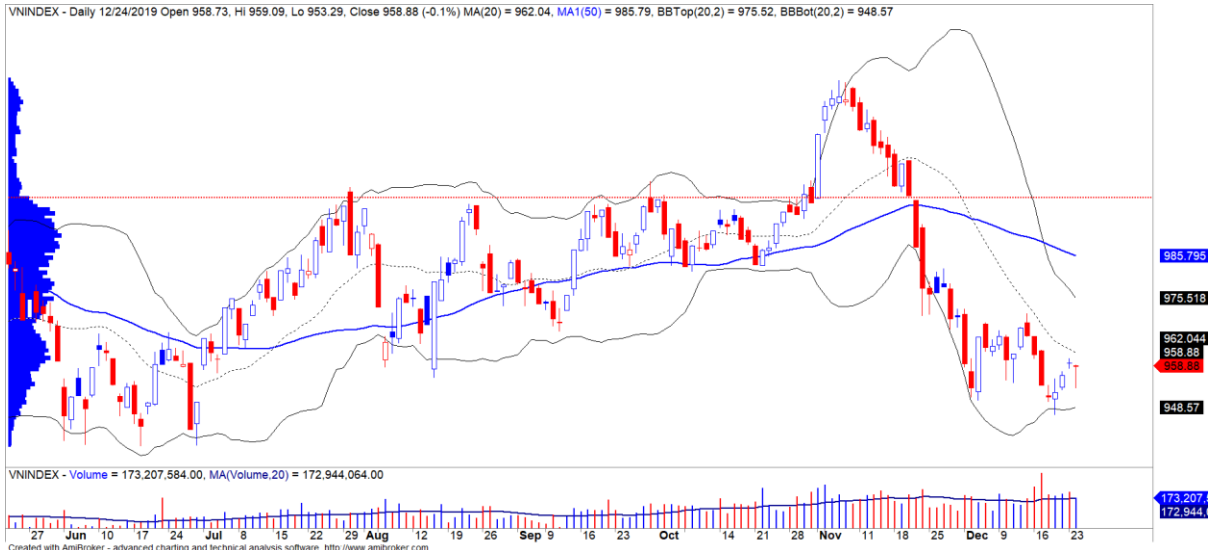
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 41% cổ phiếu/59% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.40	GIẢM	GIẢM		13.72				15.40		
ACB	22.70	GIẢM	TĂNG		23.20			24.00	22.57	-5.42%	
ACV	75.30	TĂNG	GIẢM	74.00	72.51	1.76%			78.74		
ANV	21.50	GIẢM	GIẢM		23.17				25.65		
ASM	6.79	TĂNG	GIẢM	6.71	6.65	1.19%			7.24		
BFC	11.95	GIẢM	GIẢM		12.66				14.35		
BID	44.90	TĂNG	TĂNG	41.90	41.92	7.16%		33.40	38.49	34.43%	
BMP	46.70	TĂNG	TĂNG	49.00	46.21	-4.69%		48.30	46.42	-3.31%	
BSR	8.30	GIẢM	GIẢM		8.68				10.33		
BVH	69.60	GIẢM	GIẢM	72.70	69.87	-3.90%	BÁN		73.44		
BWE	24.55	TĂNG	GIẢM	17.40	24.26	41.09%			25.84		
CEO	9.50	TĂNG	GIẢM	9.30	8.87	2.15%			9.80		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		23.45			24.45	22.23	-9.06%	
CMG	35.95	GIẢM	TĂNG		38.26			23.20	34.96	54.96%	
CMX	14.65	GIẢM	GIẢM		16.21				20.03		
CSM	13.90	GIẢM	GIẢM		14.30				15.29		
CTD	53.10	GIẢM	GIẢM		60.93				75.27		
CTG	20.60	TĂNG	GIẢM	20.60	19.84	0.00%			21.78		
CTR	40.60	TĂNG	N/A	43.30	40.08	-6.24%		-	N/A		
CVT	20.30	GIẢM	GIẢM		21.17				22.85		
DCM	6.73	GIẢM	GIẢM		6.78				7.15		
DGC	25.10	GIẢM	TĂNG		27.33			29.70	24.95	-15.49%	
DGW	21.70	GIẢM	GIẢM		23.66				25.88		
DHA	30.80	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-3.30%			32.52		
DHC	38.45	GIẢM	TĂNG		40.16			37.70	36.98	1.99%	
DHG	91.20	GIẢM	GIẢM		95.01				99.56		
DIG	13.65	GIẢM	GIẢM		13.84				14.69		
DPG	41.20	GIẢM	GIẢM		44.91				50.35		
DPM	13.45	GIẢM	GIẢM		13.52				14.36		
DPR	38.55	GIẢM	TĂNG		39.66			41.30	35.21	-6.66%	
DQC	15.75	GIẢM	GIẢM		16.22				17.68		
DRC	23.10	GIẢM	TĂNG		23.57			21.60	21.25	6.94%	
DXG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.59				16.12		
EIB	17.25	GIẢM	TĂNG		17.60			18.40	16.46	-6.25%	
FCN	10.05	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		

We Create Fortune

FMC	27.65	TĂNG	TĂNG	27.45	27.05	0.73%		31.60	26.18	-12.50%	
FPT	56.40	TĂNG	TĂNG	57.00	55.02	-1.05%		46.00	54.99	22.61%	
GAS	96.30	GIẢM	GIẢM		99.59				107.33		
GEX	19.70	GIẢM	GIẢM		20.10				21.34		
GIL	17.20	GIẢM	GIẢM		18.30				20.72		
GMD	23.95	TĂNG	GIẢM	23.60	23.27	1.48%			25.29		
GTN	22.30	TĂNG	TĂNG	21.70	21.06	2.76%		15.00	19.49	48.67%	
GVR	10.50	GIẢM	N/A		12.44				N/A		
HAG	4.01	TĂNG	GIẢM	3.86	3.82	3.89%			4.22		
HAX	16.85	GIẢM	GIẢM		18.57				20.95		
HBC	10.00	GIẢM	GIẢM		10.93				12.69		
HCM	20.80	GIẢM	GIẢM		21.98			23.40	22.07	-5.68%	BÁN
HDB	26.80	GIẢM	GIẢM		27.34				29.49		
HDC	23.20	TĂNG	TĂNG	23.10	22.23	0.43%		15.25	20.25	52.13%	
HDG	31.45	GIẢM	GIẢM	32.95	31.57	-4.18%	BÁN		35.72		
HNG	14.15	GIẢM	GIẢM		14.78				15.88		
HPG	23.20	GIẢM	TĂNG		23.87			23.85	22.11	-2.73%	
HSG	8.16	TĂNG	TĂNG	8.40	8.00	-2.86%		7.75	7.30	5.29%	
HT1	14.65	GIẢM	TĂNG	15.25	14.66	-3.84%	BÁN	16.90	13.91	-13.31%	
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVN	34.00	GIẢM	GIẢM		34.76				36.93		
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	15.25	14.68	0.98%		15.35	14.00	0.33%	
KDH	26.85	GIẢM	TĂNG		27.06			24.00	24.98	11.88%	
KSB	17.75	TĂNG	GIẢM	17.75	17.04	0.00%			19.42		
LCG	8.15	TĂNG	GIẢM	8.54	7.97	-4.57%			8.76		
LDG	8.31	GIẢM	GIẢM		9.10				10.22		
LHG	15.35	GIẢM	GIẢM		15.65				16.89		
LPB	7.30	GIẢM	GIẢM		7.59				8.13		
MBB	20.75	GIẢM	GIẢM		21.72				23.33		
MPC	21.30	TĂNG	GIẢM	20.10	19.76	5.97%			23.55		
MSN	54.50	GIẢM	GIẢM		58.09				66.96		
MSR	13.10	GIẢM	GIẢM		14.36				16.17		
MWG	111.30	TĂNG	GIẢM	113.40	109.49	-1.85%			122.49		
NDN	17.80	TĂNG	TĂNG	17.40	17.12	2.30%		13.70	16.27	29.93%	
NKG	6.66	GIẢM	TĂNG		7.16			7.11	5.98	-6.33%	
NLG	27.20	GIẢM	TĂNG		27.26			28.70	26.30	-5.23%	
NT2	21.60	GIẢM	GIẢM		22.56				23.98		
NTL	24.20	TĂNG	GIẢM	24.40	23.42	-0.82%			24.88		
NVL	56.00	GIẢM	GIẢM		57.48				60.56		



We Create Fortune

OIL	8.30	GIẢM	GIẢM		8.85			10.73		
PAC	25.00	TĂNG	GIẢM	25.80	24.79	-3.10%		27.90		
PC1	17.45	GIẢM	GIẢM		18.12			20.37		
PDR	25.70	GIẢM	TĂNG		26.46		29.00	25.19	-11.38%	
PHR	40.00	GIẢM	GIẢM		46.99			61.55		
PLX	56.10	GIẢM	GIẢM		57.05			60.01		
PNJ	84.50	TĂNG	TĂNG	84.70	80.95	-0.24%	77.07	78.71	9.64%	
POW	12.40	GIẢM	GIẢM		12.86			13.78		
PVT	16.45	GIẢM	TĂNG		17.08		18.30	16.28	-10.11%	
PPC	26.80	TĂNG	TĂNG	28.30	26.31	-5.30%	28.40	24.39	-5.63%	
PTB	70.80	GIẢM	TĂNG		72.64		64.00	68.51	10.63%	
PVB	18.40	GIẢM	GIẢM		19.03			20.92		
PVD	14.90	GIẢM	GIẢM		15.20			16.61		
PVI	31.00	GIẢM	GIẢM		31.93			34.16		
PVS	17.80	TĂNG	GIẢM	17.80	17.06	0.00%		19.30		
PXS	5.44	GIẢM	TĂNG		5.70		6.20	4.88	-12.26%	
QNS	28.80	GIẢM	TĂNG		29.40		33.80	28.38	-14.79%	
REE	35.90	GIẢM	TĂNG		37.00		33.33	35.23	7.73%	
SAB	233.00	GIẢM	GIẢM		240.04			255.47		
SAM	8.17	TĂNG	TĂNG	8.15	7.94	0.25%	7.40	7.58	10.41%	
SCR	5.93	TĂNG	TĂNG	5.93	5.83	0.00%	MUA	6.33	5.21	-6.32%
SHI	8.99	GIẢM	TĂNG		9.22		6.99	8.30	28.61%	
SJS	16.20	GIẢM	GIẢM		16.92			16.88		
SKG	12.45	TĂNG	TĂNG	11.60	11.20	7.33%		11.70		
SSI	18.35	GIẢM	GIẢM		19.07			21.22		
STB	10.10	GIẢM	GIẢM		10.28			10.82		
TCB	23.00	GIẢM	GIẢM		23.36			24.91		
TCM	19.20	TĂNG	GIẢM	19.95	19.14	-3.76%		22.29		
TDH	9.80	GIẢM	GIẢM		10.27			11.11		
TLH	4.60	TĂNG	TĂNG	4.06	4.25	13.30%	4.48	4.43	2.68%	MUA
TNG	15.30	TĂNG	GIẢM	15.10	14.86	1.32%		16.69		
VCB	90.00	TĂNG	TĂNG	87.50	86.39	2.86%	62.00	84.02	45.16%	
VCG	26.90	TĂNG	TĂNG	27.00	26.60	-0.37%	19.20	25.47	40.10%	
VCS	79.50	GIẢM	GIẢM		83.86			91.56		
VGC	18.00	GIẢM	GIẢM		18.39			19.51		
VGT	8.10	GIẢM	GIẢM		8.70			8.95		
VHC	78.00	GIẢM	GIẢM		80.15			83.84		
VHM	83.70	GIẢM	GIẢM		88.14			99.60		
VIB	17.40	TĂNG	TĂNG	17.40	16.73	0.00%	17.70	16.56	-1.69%	



We Create Fortune

VIC	115.50	GIẢM	TĂNG		117.72			112.00	113.76	3.13%	
VIP	5.01	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	143.50	GIẢM	TĂNG		144.27			124.50	138.01	15.26%	
VND	14.40	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	2.13%			14.88		
VNG	19.60	GIẢM	GIẢM		20.41				22.24		
VNM	118.60	GIẢM	GIẢM		121.35				127.91		
VPB	19.30	GIẢM	GIẢM		19.96				21.37		
VPI	41.60	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	0.73%	
VRC	24.00	TĂNG	TĂNG	16.05	23.88	49.53%		17.30	20.78	38.73%	
VRE	32.90	GIẢM	TĂNG		33.79			35.05	32.08	-6.13%	
VSC	26.00	TĂNG	GIẢM	25.45	24.77	2.16%			26.67		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.70	GIẢM	TĂNG		23.20			24.00	22.57	-5.42%	
BID	44.90	TĂNG	TĂNG	41.90	41.92	7.16%		33.40	38.49	34.43%	
BSR	8.30	GIẢM	GIẢM		8.68				10.33		
BVH	69.60	GIẢM	GIẢM	72.70	69.87	-3.90%	BÁN		73.44		
CTG	20.60	TĂNG	GIẢM	20.60	19.84	0.00%			21.78		
FPT	56.40	TĂNG	TĂNG	57.00	55.02	-1.05%		40.23	54.99	40.21%	
GAS	96.30	GIẢM	GIẢM		99.59				107.33		
GEX	19.70	GIẢM	GIẢM		20.10				21.34		
GVR	10.50	GIẢM	N/A		12.44				N/A		
HDB	26.80	GIẢM	GIẢM		27.34				29.49		
HNG	14.15	GIẢM	GIẢM		14.78				15.88		
HPG	23.20	GIẢM	TĂNG		23.87			23.85	22.11	-2.73%	
HVN	34.00	GIẢM	GIẢM		34.76				36.93		
KDH	26.85	GIẢM	TĂNG		27.06			24.00	24.98	11.88%	
MBB	20.75	GIẢM	GIẢM		21.72				23.33		
MSN	54.50	GIẢM	GIẢM		58.09				66.96		
MWG	111.30	TĂNG	GIẢM	113.40	109.49	-1.85%			122.49		
NVL	56.00	GIẢM	GIẢM		57.48				60.56		
OIL	8.30	GIẢM	GIẢM		8.85				10.73		
PLX	56.10	GIẢM	GIẢM		57.05				60.01		
PNJ	84.50	TĂNG	TĂNG	84.70	80.95	-0.24%		77.07	78.71	9.64%	
POW	12.40	GIẢM	GIẢM		12.86				13.78		



We Create Fortune

QNS	28.80	GIẢM	TĂNG		29.40			33.26	28.38	-13.40%	
REE	35.90	GIẢM	TĂNG		37.00			33.33	35.23	7.73%	
ROS	23.60	GIẢM	GIẢM		24.55				26.78		
SBT	18.45	GIẢM	TĂNG		18.58			17.50	17.46	5.43%	
SSI	18.35	GIẢM	GIẢM		19.07				21.22		
STB	10.10	GIẢM	GIẢM		10.28				10.82		
TCB	23.00	GIẢM	GIẢM		23.36				24.91		
TPB	21.05	GIẢM	GIẢM		21.53				23.94		
VCB	90.00	TĂNG	TĂNG	87.50	86.39	2.86%		62.00	84.02	45.16%	
VCG	26.90	TĂNG	TĂNG	27.00	26.60	-0.37%		18.44	25.47	45.87%	
VCS	79.50	GIẢM	GIẢM		83.86				91.56		
VEA	47.50	GIẢM	GIẢM		49.93				59.45		
VGI	24.70	TĂNG	N/A	26.80	24.48	-7.84%			N/A		
VHM	83.70	GIẢM	GIẢM		88.14				99.60		
VIB	17.40	TĂNG	TĂNG	17.40	16.73	0.00%		15.00	16.56	15.96%	
VIC	115.50	GIẢM	TĂNG		117.72			112.00	113.76	3.13%	
VJC	143.50	GIẢM	TĂNG		144.27			124.50	138.01	15.26%	
VNM	118.60	GIẢM	GIẢM		121.35				127.91		
VPB	19.30	GIẢM	GIẢM		19.96				21.37		
VRE	32.90	GIẢM	TĂNG		33.79			35.05	32.08	-6.13%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.40	GIẢM	GIẢM		13.72				15.40		
ANV	21.50	GIẢM	GIẢM		23.17				25.65		
ASM	6.79	TĂNG	GIẢM	6.71	6.65	1.19%			7.24		
BMI	25.30	GIẢM	TĂNG		25.42			26.70	23.99	-5.24%	
BMP	46.70	TĂNG	TĂNG	49.00	46.21	-4.69%		48.30	46.42	-3.31%	
BWE	24.55	TĂNG	GIẢM	25.10	24.26	-2.19%			25.84		
CEO	9.50	TĂNG	GIẢM	9.30	8.87	2.15%			9.80		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		23.45			24.45	22.23	-9.06%	
CRE	24.35	TĂNG	GIẢM	24.20	23.41	0.62%			25.03		
CTI	21.30	GIẢM	GIẢM		22.49				24.28		
CTR	40.60	TĂNG	GIẢM	43.30	40.08	-6.24%			50.54		
D2D	77.80	GIẢM	TĂNG		80.66			83.10	73.17	-6.38%	
DBD	54.90	GIẢM	TĂNG		58.52			38.65	54.36	42.04%	



We Create Fortune

DCM	6.73	GIẢM	GIẢM		6.78			7.15		
DGW	21.70	GIẢM	GIẢM		23.66			25.88		
DHC	38.45	GIẢM	TĂNG		40.16		37.70	36.98	1.99%	
DIG	13.65	GIẢM	GIẢM		13.84			14.69		
DPG	41.20	GIẢM	GIẢM		44.91			50.35		
DPM	13.45	GIẢM	GIẢM		13.52			14.36		
DRC	23.10	GIẢM	TĂNG		23.57		21.60	21.25	6.94%	
DXG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.59			16.12		
E1VFN30	14.50	GIẢM	GIẢM		14.74			15.56		
FCN	10.05	GIẢM	GIẢM		10.35			11.21		
FLC	4.93	TĂNG	TĂNG	4.61	4.45	6.94%	4.63	4.02	6.48%	
GEG	26.10	GIẢM	TĂNG		27.19		12.50	25.77	108.76%	
GMD	23.95	TĂNG	GIẢM	23.60	23.27	1.48%		25.29		
GTN	22.30	TĂNG	TĂNG	21.70	21.06	2.76%	15.00	19.49	48.67%	
HAG	4.01	TĂNG	GIẢM	3.86	3.82	3.89%		4.22		
HBC	10.00	GIẢM	GIẢM		10.93			12.69		
HCM	20.80	GIẢM	GIẢM		21.98		23.40	22.07	-5.68%	BÁN
HDC	23.20	TĂNG	TĂNG	23.10	22.23	0.43%	15.25	20.25	52.13%	
HDG	31.45	GIẢM	GIẢM	32.95	31.57	-4.18%	BÁN	35.72		
HPX	26.35	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.18%	35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.16	TĂNG	TĂNG	8.40	8.00	-2.86%	7.75	7.30	5.29%	
HT1	14.65	GIẢM	TĂNG	15.25	14.66	-3.84%	BÁN	16.90	13.91	-13.31%
HTM	16.00	TĂNG	GIẢM	16.00	15.26	0.00%		18.47		
IBC	20.10	GIẢM	GIẢM		20.64			21.22		
IDI	5.22	TĂNG	GIẢM	5.45	5.13	-4.22%		5.89		
IJC	14.70	TĂNG	TĂNG	14.65	13.94	0.34%	13.10	12.68	12.21%	
ITA	2.72	GIẢM	GIẢM		2.84			3.14		
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	15.25	14.68	0.98%	14.85	14.00	3.73%	
KDC	18.50	GIẢM	TĂNG		19.15		20.82	18.08	-11.13%	
KOS	27.70	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	3.36%	26.30	25.20	5.32%	
KSB	17.75	TĂNG	GIẢM	17.75	17.04	0.00%		19.42		
LDG	8.31	GIẢM	GIẢM		9.10			10.22		
LPB	7.30	GIẢM	GIẢM		7.59			8.13		
MBG	29.50	GIẢM	GIẢM		30.35			45.18		
MBS	14.80	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	0.68%		15.75		
MPC	21.30	TĂNG	GIẢM	20.10	19.76	5.97%		23.55		
NBB	19.40	GIẢM	GIẢM		21.04			22.02		
NKG	6.66	GIẢM	TĂNG		7.16		7.11	5.98	-6.33%	

We Create Fortune

NLG	27.20	GIẢM	TĂNG		27.26			26.28	26.30	3.50%	
NT2	21.60	GIẢM	GIẢM		22.56				23.98		
NTL	24.20	TĂNG	GIẢM	24.40	23.42	-0.82%			24.88		
NVB	9.50	TĂNG	TĂNG	7.60	9.16	25.00%		8.50	8.32	11.76%	
OGC	3.63	TĂNG	GIẢM	3.75	3.51	-3.20%			4.07		
PC1	17.45	GIẢM	GIẢM		18.12				20.37		
PDR	25.70	GIẢM	TĂNG		26.46			23.59	25.19	8.92%	
PHR	40.00	GIẢM	GIẢM		46.99				61.55		
PPC	26.80	TĂNG	TĂNG	28.30	26.31	-5.30%		28.40	24.39	-5.63%	
PTB	70.80	GIẢM	TĂNG		72.64			60.78	68.51	16.49%	
PVD	14.90	GIẢM	GIẢM		15.20				16.61		
PVI	31.00	GIẢM	GIẢM		31.93				34.16		
PVS	17.80	TĂNG	GIẢM	17.80	17.06	0.00%			19.30		
PVT	16.45	GIẢM	TĂNG		17.08			17.31	16.28	-4.94%	
QCG	4.06	GIẢM	GIẢM		4.35				4.80		
SCR	5.93	TĂNG	TĂNG	5.93	5.83	0.00%	MUA	6.33	5.21	-6.32%	
SGP	6.80	GIẢM	GIẢM		7.47				9.54		
SHB	6.20	TĂNG	GIẢM	6.40	5.95	-3.13%			6.72		
SHS	7.70	GIẢM	TĂNG		8.06			8.40	7.36	-8.33%	
SZC	17.85	TĂNG	#N/A	17.85	17.40	0.00%	MUA		#N/A		
TCH	30.10	TĂNG	TĂNG	30.05	27.23	0.17%		26.15	25.35	15.11%	
TCM	19.20	TĂNG	GIẢM	19.95	19.14	-3.76%			22.29		
TDH	9.80	GIẢM	GIẢM		10.27				11.11		
TNG	15.30	TĂNG	GIẢM	15.10	14.86	1.32%			16.69		
TTB	4.48	GIẢM	GIẢM		4.78				8.85		
VGC	18.00	GIẢM	GIẢM		18.39				19.51		
VGT	8.10	GIẢM	GIẢM		8.70				8.95		
VHC	78.00	GIẢM	GIẢM		80.15				83.84		
VND	14.40	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	2.13%			14.88		
VNG	19.60	GIẢM	GIẢM		20.41				22.24		
VPI	41.60	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	0.73%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	7.90	GIẢM	GIẢM		8.08				9.32		
AGR	3.41	GIẢM	GIẢM		3.57				4.02		

We Create Fortune

AMD	2.45	GIẢM	TĂNG		2.76			1.70	1.93	44.12%	
APG	9.70	TĂNG	TĂNG	8.76	9.49	10.73%		9.90	8.56	-2.02%	
ART	3.00	TĂNG	TĂNG	2.00	2.59	50.00%		2.30	1.77	30.43%	
BCG	8.12	GIẢM	TĂNG		8.50			6.39	7.47	27.07%	
C4G	6.30	TĂNG	GIẢM	6.30	6.24	0.00%	MUA		6.98		
C69	10.80	TĂNG	GIẢM	10.80	10.23	0.00%	MUA		16.38		
CCL	7.23	TĂNG	TĂNG	6.80	6.91	6.32%		7.88	5.66	-8.25%	
CVT	20.30	GIẢM	GIẢM		21.17				22.85		
DAH	12.35	TĂNG	TĂNG	9.99	10.45	23.62%			11.27		
DLG	1.92	TĂNG	TĂNG	1.80	1.63	6.67%		1.71	1.65	12.28%	MUA
DRH	4.52	GIẢM	GIẢM		4.81				5.83		
DTD	11.20	TĂNG	GIẢM	11.10	9.75	0.90%			13.12		
EVG	2.65	GIẢM	GIẢM		2.76				2.90		
FIT	10.40	TĂNG	TĂNG	4.49	9.30	131.63%		3.64	5.82	185.71%	
FTM	2.28	GIẢM	GIẢM		2.54				4.64		
FUES SV50	12.57	GIẢM	GIẢM		12.66				13.19		
GKM	15.00	TĂNG	TĂNG	15.00	14.56	0.00%		14.90	14.79	0.67%	MUA
HAH	11.45	GIẢM	GIẢM		12.47				13.80		
HAI	3.76	TĂNG	TĂNG	1.69	3.68	122.49%		1.88	2.75	100.00%	
HAR	4.54	GIẢM	TĂNG		4.94			3.90	3.49	16.41%	
HDA	10.30	GIẢM	GIẢM		10.69				11.79		
HHP	11.60	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-4.92%			13.22		
HHS	3.28	GIẢM	TĂNG		3.55			3.36	2.94	-2.38%	
HID	2.36	TĂNG	TĂNG	2.36	2.27	0.00%	MUA	2.63	2.16	-10.27%	
HII	9.70	GIẢM	GIẢM		10.27				11.16		
HQC	1.28	TĂNG	TĂNG	1.23	1.12	4.07%		1.16	1.10	10.34%	MUA
HSL	7.57	GIẢM	GIẢM		8.02				8.77		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVG	8.18	TĂNG	TĂNG	7.82	7.83	4.60%		3.90	6.94	109.74%	
HVH	17.70	TĂNG	GIẢM	17.90	17.42	-1.12%			19.76		
IDJ	5.90	GIẢM	TĂNG		7.05			7.20	5.42	-18.06%	
JVC	3.53	GIẢM	GIẢM		3.94				4.75		
KLF	1.90	TĂNG	TĂNG	1.40	1.56	35.71%		1.50	1.03	26.67%	
LCG	8.15	TĂNG	GIẢM	8.54	7.97	-4.57%			8.76		
LGL	7.80	GIẢM	GIẢM		8.36			7.11	8.39	17.90%	BÁN
LHG	15.35	GIẢM	GIẢM		15.65				16.89		
LMH	12.20	TĂNG	#N/A	12.30	11.37	-0.81%			#N/A		
MST	5.00	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.23	47.06%	



We Create Fortune

NDN	17.80	TĂNG	TĂNG	17.40	17.12	2.30%		13.10	16.27	35.83%	
PHC	10.65	GIẢM	GIẢM		11.27				12.18		
PLP	9.65	GIẢM	GIẢM		10.28				11.39		
PVB	18.40	GIẢM	GIẢM		19.03				20.92		
PVC	6.70	GIẢM	TĂNG		7.09			6.70	6.66	0.00%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.34				1.46		
PXL	7.60	GIẢM	TĂNG		8.19			6.70	6.64	13.43%	
SHI	8.99	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	55.94%	
SJF	2.23	GIẢM	GIẢM		2.35				2.74		
SPP	2.00	TĂNG	GIẢM	2.20	1.92	-9.09%			2.60		
TDC	8.41	GIẢM	GIẢM		8.41				9.04		
TIG	6.90	GIẢM	TĂNG		7.05			3.20	5.49	115.63%	
TLH	4.60	TĂNG	TĂNG	4.06	4.25	13.30%		4.48	4.43	2.68%	MUA
TNA	26.95	TĂNG	TĂNG	13.70	25.61	96.72%		11.45	22.14	135.35%	
TNI	10.40	GIẢM	TĂNG		10.75			10.90	9.99	-4.59%	
TSC	3.16	TĂNG	GIẢM	2.95	2.78	7.12%			3.45		
TTF	2.76	TĂNG	GIẢM	2.74	2.58	0.73%			3.03		
TTH	2.60	GIẢM	GIẢM		2.73				3.02		
TVC	18.00	TĂNG	TĂNG	16.90	17.02	6.51%		14.30	14.73	25.87%	
VC3	16.60	GIẢM	TĂNG		17.61			22.00	16.32	-24.55%	
VCR	11.50	GIẢM	GIẢM		13.78				19.21		
VNA	3.10	GIẢM	GIẢM		3.16				4.93		
VNE	3.70	GIẢM	GIẢM		3.81				3.70		
VRC	24.00	TĂNG	TĂNG	16.05	23.88	49.53%		17.30	20.78	38.73%	

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	958.88	-0.06%	HNI	102.45	0.10%	UPCoM	55.75	0.49%
VN30	869.88	0.19%	HN30	181.3	0.15%			
VN Mid	924.12	0.03%	VNX	839.48	0.14%			
VN Small	797.2	0.11%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	462.89		Mua	2.71		Mua	3.82	
Bán	382.88		Bán	5.45		Bán	2.17	
GT rỗng	80.01		GT rỗng	-2.74		GT rỗng	1.65	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SZC	1150	6.89%	MBG	2600	9.67%	PRT	2300	14.84%
NHH	2650	6.88%	L14	2500	3.69%	C4G	500	8.62%
SCR	380	6.85%	TIG	200	2.99%	KLB	300	2.80%
DLG	120	6.67%	VCS	2000	2.58%	EVF	100	1.82%
MSN	2900	5.62%	TAR	700	2.47%	PXL	100	1.33%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FRT	-1500	-6.00%	DGC	-400	-1.57%	GVR	-700	-6.25%
CTD	-2600	-4.67%	TNG	-200	-1.29%	MSR	-400	-2.96%
PHR	-1798	-4.30%	NDN	-200	-1.11%	CTR	-600	-1.46%
HVG	-300	-3.54%	TVC	-200	-1.10%	LPB	-100	-1.35%
HAH	-400	-3.38%	NVB	-100	-1.04%	OIL	-100	-1.19%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	389,070		ACB	37,603		ACV	163,086	
VCB	333,799		VCS	12,720		VEA	63,074	
VHM	275,332		VCG	11,882		MCH	50,710	
VNM	206,527		PVS	8,508		GVR	41,440	
GAS	184,313		SHB	7,459		BCM	30,659	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	34,141,100	33,217,782	KLF	3,801,920	2,438,858	BSR	10,931,791	1,466,788
DLG	15,976,570	5,814,121	TIG	3,564,845	784,115	C4G	2,731,600	200,462
FLC	12,620,760	9,549,198	ART	2,126,332	2,110,377	EVF	2,142,287	43,084
TCB	8,740,850	1,001,824	SHB	1,748,863	2,208,400	KLB	1,474,253	7,132
HQC	8,370,110	4,449,247	PVS	974,748	1,201,002	GVR	1,361,546	427,163

Nguồn: Bloomberg & YSVN

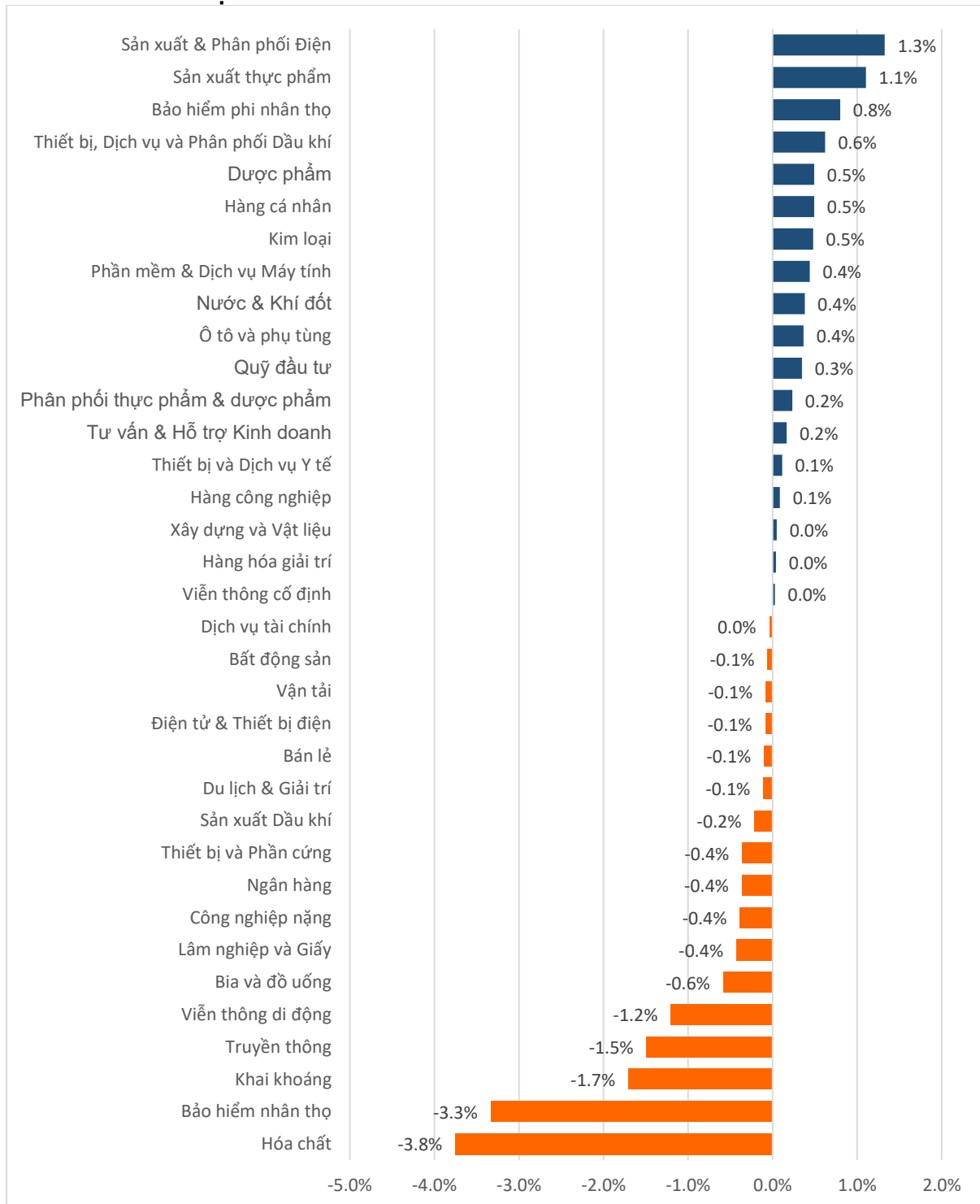
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



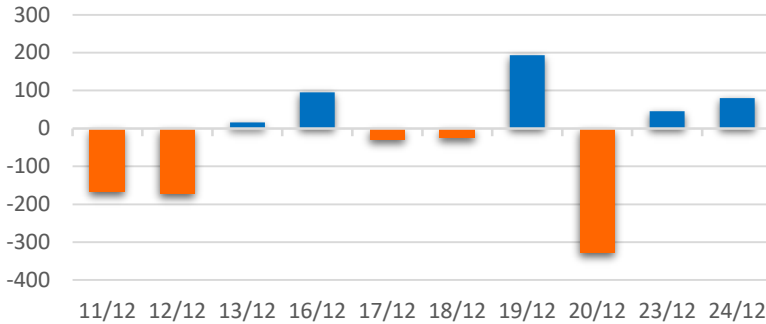
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

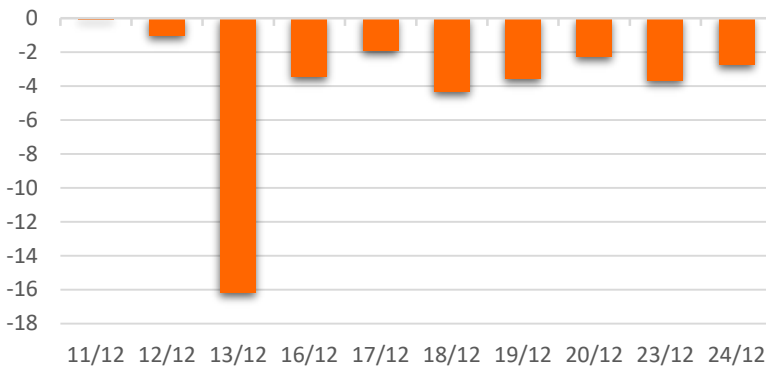
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	60,770	PHR	18,090
VNM	31,565	VIC	17,795
HPG	12,595	HDB	8,018
MSN	8,071	FIT	5,499
VRE	7,572	VCB	3,765

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

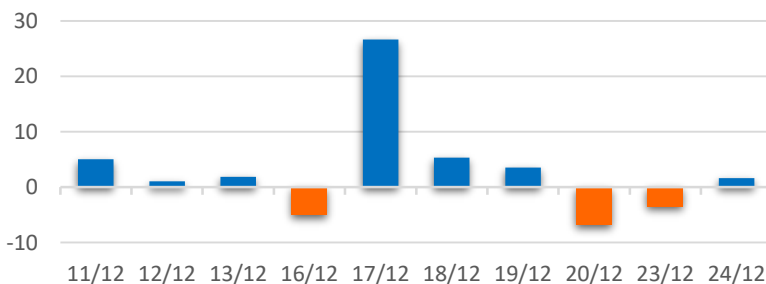
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TIG	1,456	PVS	2,464
SHB	149	NTP	2,009
NRC	101	SHS	104
CDN	81	L35	83
BII	80	MAS	55

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	2,815	VEA	3,049
LPB	2,028	ACV	2,509
QNS	1,401	HND	2,445
GVR	855	BSR	2,203
SKH	134	OIL	662

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



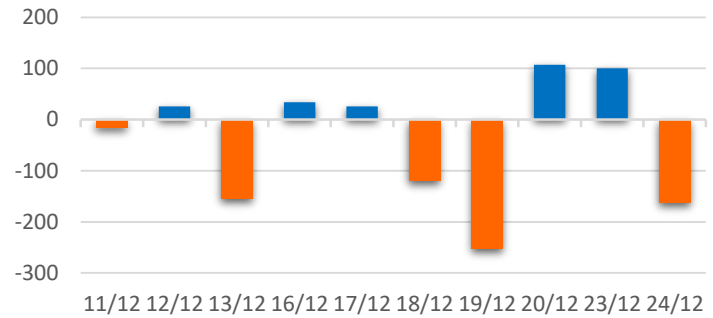
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

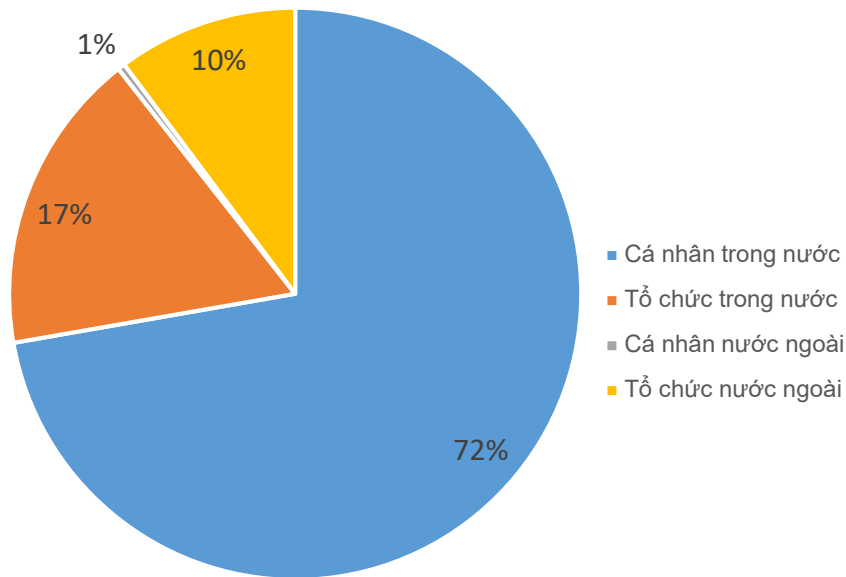
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
THI	12,850	E1VFN30	61,069
MWG	2,998	TCB	40,850
MSN	2,922	TPB	33,592
FPT	2,233	DHC	19,443
VHM	2,166	MWG	15,077

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

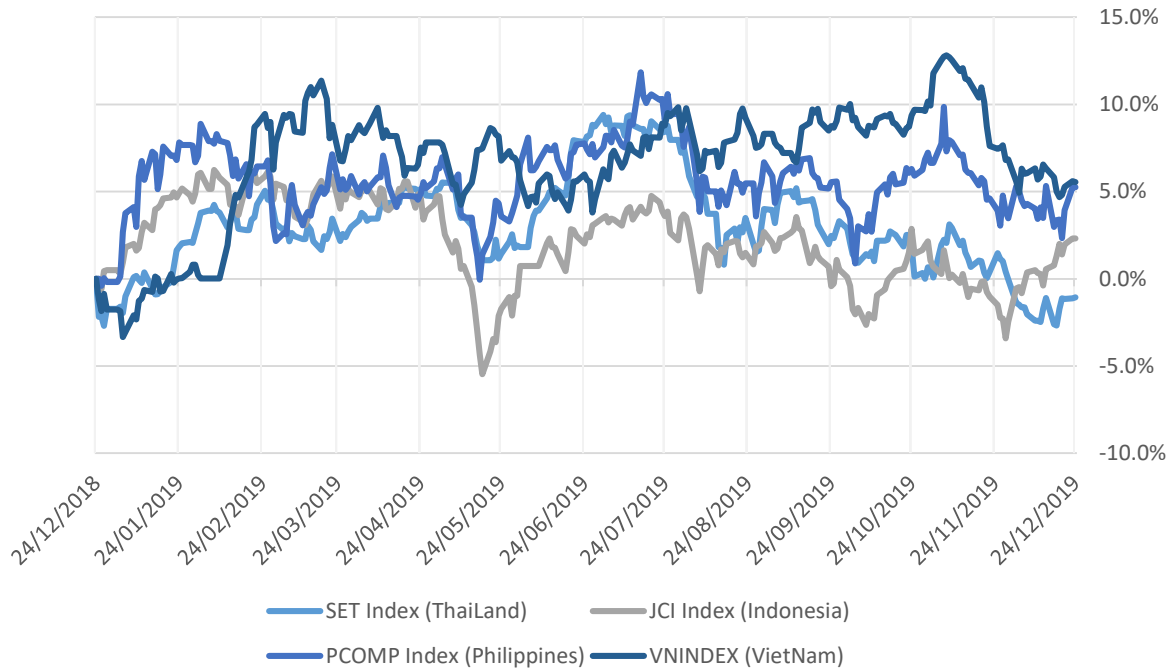


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

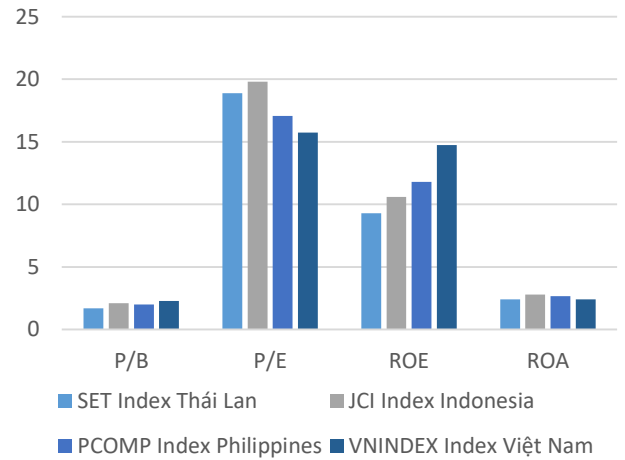
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	2.0x	2.3x
P/E		18.9x	19.8x	17.1x	15.7x
ROE	%	9.28	10.59	11.79	14.74
ROA	%	2.41	2.78	2.66	2.42
Vốn hóa	Tỷ USD	552.14	522.03	192.99	141.15
GTGD	Triệu USD	1.17	0.35	0.08	0.15
LS cổ tức	%	3.24	2.40	1.59	2.02

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written